



QUẢN LÝ TỔNG HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦM PHÁ DỰ ÁN IMOLA

BÁO CÁO PRA

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH SINH KẾ BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NÔNG THÔN CÓ NGƯỜI DÂN THAM GIA XÃ ĐIỀN HẢI

Bản dịch

Huế, tháng Năm 2006



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ





BÁO CÁO PRA & SLA

PHÂN TÍCH SINH KẾ BỀN VỮNG BẰNG PHƯƠNG
PHÁP ĐÁNH GIÁ NÔNG THÔN CÓ NGƯỜI DÂN

THAM GIA TẠI

XÃ ĐIỀN HẢI

- HUYỆN PHONG ĐIỀN - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Huế, tháng Năm 2006

PHẦN 1

GIỚI THIỆU CHUNG**HOÀN CẢNH NGHIÊN CỨU**

Thừa Thiên Huế là vùng ven biển ở miền Trung Việt Nam, với bờ biển dài 126 km. Phá Tam Giang-Cầu Hai được xem là một trong những đầm phá lớn nhất Đông Nam Á. Phá Tam Giang chạy dọc theo 5 huyện ven biển (với chiều dài khoảng 60 km) gồm 33 xã, 86 thôn với tổng diện tích là 220.000 ha. Khu vực này là nguồn lực chính cho 350.000 người dân (khoảng 1/3 dân số của tỉnh) tiến hành nhiều hoạt động kinh tế khác nhau như khai thác nguồn thủy sinh tự nhiên, nuôi trồng thủy sản, du lịch, v.v... (sở Thủy sản Thừa Thiên Huế, 2002). Theo như ước tính, khoảng 100.000 người tham gia trực tiếp vào khai thác nguồn lợi thủy sản và thủy sinh, và khoảng 200.000 người dân khác làm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt bán thời gian. Khoảng 1.500 hộ gia đình sống trên đò trên vùng đầm phá và phần lớn những hộ gia đình này rất nghèo vì họ phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn lợi thủy sinh. Kết quả là, đời sống và sinh kế họ bị đe dọa bởi nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm sự giảm sút về trữ lượng khai thác, khó khăn trong hướng tiếp cận đánh bắt.

Gần đây, sự bùng nổ dân số và áp lực của sự phát triển kinh tế xã hội đã gây ra vấn đề khai thác thiếu kiểm soát, làm cho nguồn lợi sinh thái bị giảm xuống cả về số lượng lẫn chất lượng (Lê Văn Miên, 2002) và ảnh hưởng đến kinh tế truyền thống của người dân. Vì thế, phát triển nuôi trồng thủy sản là một giải pháp đưa ra nhằm giảm bớt áp lực đối với nguồn lợi tự nhiên và duy trì sinh kế cho người dân sống quanh đầm phá. Tuy nhiên, nhiều vấn đề đã phát sinh trong quá trình phát triển nuôi trồng thủy sản. Một mặt, phát triển nuôi trồng thủy sản có ảnh hưởng trực tiếp tích cực lên cuộc sống hằng ngày của người dân như tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giải quyết nạn thất nghiệp, giảm nghèo, v.v... Mặt khác, phát triển nuôi trồng thủy sản thiếu kiểm soát đang đe dọa hệ sinh thái tự nhiên, sinh kế truyền thống và có những ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghèo đói trong thời gian trước mắt và lâu dài. Đặc biệt, sau cơn bão lịch sử 1999, theo yêu cầu của Bộ Thủy sản về việc thiết lập các mô hình quản lý thích nghi cho hệ sinh thái thủy sản đặc trưng, FAO đã hỗ trợ Việt Nam xây dựng dự án "Quản lý tổng hợp các hoạt động đầm phá Thừa Thiên Huế" với mục tiêu cải thiện sinh kế cho người dân sống quanh vùng đầm phá thông qua các hoạt động quản lý bền vững có sự tham gia của người dân liên quan đến thủy sản phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và các hoạt động sản xuất. Dự án cũng nhấn mạnh vai trò giới, an toàn thực phẩm và giảm nghèo. Tuy nhiên, để thực hiện dự án cần đánh giá tình hình kinh tế xã hội và hoạt động sản xuất của các hộ gia đình làm nông nghiệp đặc biệt là nguồn lợi thủy sản, đánh bắt và tình hình sinh kế phục vụ phương hướng phát triển trong tương lai. Hoạt động 1.2 do dự án IMOLA tiến hành thực hiện xây dựng năng lực cho cán bộ nhà nước (cấp tỉnh, huyện và xã) về nghiên cứu cơ bản tình hình kinh tế xã hội và thông tin thu thập ở 6 xã ven đầm phá bằng phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân. Báo cáo này thể hiện kết quả phân tích sinh kế ở xã Điền Hải, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**Mục tiêu chung**

- Các vấn đề chính ở đầm phá, đặc biệt là tình hình nguồn lợi
- Sử dụng và quản lý nguồn lợi thủy sinh (các xung đột về sử dụng và quản lý nguồn lợi).
- Các hoạt động sinh kế.
- Các cá nhân/tổ chức liên quan (trách nhiệm và các hoạt động thực tiễn của họ).

Mục tiêu riêng

- Đánh giá sinh kế cộng đồng vùng đầm phá.
- Tiếp cận quan điểm của người dân về việc tình hình, xu hướng và việc sử dụng nguồn lợi.
- Xác định trách nhiệm và sự tham gia của tất cả các cơ quan có liên quan về quản lý nguồn lợi thủy sản.
- Nghiên cứu về các kế hoạch quản lý nguồn lợi
- Tìm kiếm thông tin về thị trường và đầu tra cho nuôi trồng thủy sản.

PHẦN 2

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

ĐỊA ĐIỂM NGHIÊN CỨU

Điền Hải là xã tiếp giáp đầm phá và được xem là một xã nằm ở vùng trung triều của tỉnh Thừa Thiên Huế. Phía Bắc xã tiếp giáp với xã Quảng Ngạn, phía Nam tiếp giáp xã Điền Hòa, phía Tây giáp đầm phá, phía Đông giáp biển. Xã Điền Hải có 8 thôn (trước đây chúng là hai thôn có tên là Thế Chi Đông và Minh Hương). 8 thôn hiện nay là: Do, Lum, Cay, Nay, Diem, Chua (tên các xóm từ 1-6), Hương Vinh (xóm 7) và xóm 8 (nơi định cư của ngư dân). Điền Hải là một trong những xã nghèo của đầm phá và không có nhiều dự án hỗ trợ. Chính quyền xã Điền Hải sẵn lòng hợp tác với dự án và nhóm nghiên cứu tiến hành thực địa và thu thập số liệu. Đây là một điều thuận lợi cho nhóm làm việc tại xã Điền Hải.

NHÓM LÀM VIỆC

Nhóm thực hiện công việc là tất cả các học viên của khóa tập huấn SLA/PRA mà dự án IMOLA tổ chức dưới sự hướng dẫn giảng dạy của các chuyên gia NACA và tư vấn quốc gia. Họ là cán bộ Sở Thủy Sản, cán bộ một số phòng cấp huyện, giảng viên trường Đại học Nông lâm Huế và cán bộ cấp huyện, xã. Những người này đã tham gia lớp tập huấn về lý thuyết và phương pháp tiến hành PRA trên lớp học và thực hành 2 ngày ở xã Điền Hải: 1 ngày ứng dụng các kỹ năng PRA để thu thập số liệu và ngày còn lại kiểm chứng số liệu hai ngày sau đó.

MẪU NGHIÊN CỨU

Các cộng đồng dân cư được mời đến họp chia làm 3 nhóm: nhóm làm nông nghiệp (thôn 4, 5 và 6); nhóm nuôi trồng thủy sản và buôn bán (thôn 2 và 3); nhóm đánh bắt và buôn bán (thôn 7 và 8). Nhóm thực địa cũng phân thành 3 nhóm nhỏ để làm việc với 3 nhóm dân riêng biệt. Có thể xem thông tin chi tiết về mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập số liệu trình bày trong phụ lục 1.

THU THẬP SỐ LIỆU

Số liệu thứ cấp

Các tài liệu sẵn có được thu thập như các báo cáo tóm lược hằng năm về các hoạt động sản xuất ở xã, kế hoạch sử dụng đất và an ninh quân đội. Ngoài ra còn có các số liệu về tiềm năng phát triển của cộng đồng, sử dụng đất, phát triển thủy sản, phát triển kinh tế xã hội trong mỗi giai đoạn.

Số liệu sơ cấp

Điều tra bằng phỏng vấn bán cấu trúc. Người phỏng vấn chuẩn bị bảng câu hỏi trước khi tiến hành điều tra thực địa nhằm thu thập thông tin đồng nhất từ các người phỏng vấn khác nhau. Đó là những người cung cấp thông tin chính ở thôn 8, họ là ngư dân, những người đại diện cho các tổ chức xã hội ở thôn, cơ quan. Những câu hỏi này chú trọng đến các vấn đề được xem là mục tiêu của PRA và một số các hoạt động riêng lẻ mà người dân đang tiến hành.

Đánh giá sinh kế bằng PRA. Nhằm điều tra sự đa dạng của sinh kế, các nhân tố ảnh hưởng đến sinh kế của người dân xã Điền Hải, nhóm làm việc đã ứng dụng phương pháp

PRA và sự tham gia của cộng đồng (bao gồm các người dân từ các ngành nghề khác nhau ở 8 thôn, đại diện từ các ban ngành, cấp xã và thôn).

Phân loại hộ. Sử dụng phương pháp này để sắp xếp hay phân loại hộ trong cộng đồng dựa trên các tiêu chuẩn kinh tế xã hội đứng từ quan điểm của người dân địa phương ở thôn 8 (trưởng thôn, đại diện cho các tổ chức hay các công nhân có kinh nghiệm...) và sau đó lập danh sách các hộ nghèo ở thôn (đặc biệt là nông nghiệp và khai thác thủy sản). Thông tin do người dân cung cấp xác định các mục tiêu kinh tế xã hội thành các danh mục và con số cộng đồng dân cư và sắp mỗi gia đình vào nhóm thích hợp. Từ đó, có thể tìm ra: tỉ lệ hộ giàu và nghèo, mức độ nghèo của mỗi nhóm dân, chiến lược sinh kế, ảnh hưởng và khả năng tiếp cận của mỗi nhóm đối với các chiến lược sinh kế, khả năng tự cung ứng lương thực thực phẩm, các yêu cầu của mọi người về địa điểm tiến hành nghiên cứu...

Phân loại vấn đề và cây vấn đề. Xác định và sắp xếp các vấn đề nhằm đánh giá tầm quan trọng của chúng sử dụng các tiêu chuẩn khác nhau; tiếp tục sử dụng cây vấn đề hay biểu đồ các mối quan hệ để thu thập thông tin; sau đó nghiên cứu nguyên nhân và ảnh hưởng của các vấn đề này và đưa ra giải pháp. Tiếp theo, thu thập thông tin về sự hỗ trợ và can thiệp của cộng đồng; phát triển kế hoạch hành động phù hợp, giải quyết các khó khăn trong việc sử dụng nguồn lợi có sẵn.

Phân loại sinh kế: Sắp xếp các ngành nghề bằng cách cho điểm: phân tích vai trò các ngành nghề sinh kế sẵn có phục vụ cuộc sống hằng ngày ở xã Điền Hải.

Phân tích giới. Để phân biệt vai trò nam giới và nữ giới trong công việc hằng ngày và trong mỗi hoạt động.

Bản đồ lịch sử. Tìm hiểu về các sự kiện lịch sử chính ảnh hưởng đến cộng đồng; các vấn đề chủ yếu mà người dân đang gặp phải trong tình hình không ổn định cũng như các chính sách đang áp dụng ở vùng này.

Thêm vào đó, hoàn cảnh và tình hình xảy ra các sự kiện này cũng như ảnh hưởng của chúng đối với địa phương cũng được tìm hiểu. Ngoài ra, còn xem xét thu thập phản ứng và thông tin phản hồi của người dân đang sống ở địa phương đối với các sự kiện này trong sản lượng sản xuất và tình hình xã và thôn.

Lịch mùa vụ. Nghiên cứu về sản lượng theo mùa vụ của các công việc khác nhau/ các hoạt động khác nhau trong một năm, bao gồm các hoạt động sinh kế, biến động, các thông tin quan trọng về mỗi giai đoạn, khí hậu; chú trọng đến các thông tin về thu nhập, lao động, các lễ hội, lễ tưởng niệm...Dựa vào các thông tin này, có thể phân tích sinh kế người dân, từ đó có thể xác định giai đoạn khó khăn hoặc căng thẳng nhất đối với người dân hay cơ hội mà họ có được. Thêm vào đó, chúng ta có thể lên kế hoạch làm việc với cộng đồng một cách có hiệu quả nhất và hợp lý nhất.

Bản đồ nguồn lợi. Nhằm xác định nguồn lợi là gì và có thể tìm thấy nguồn lợi ở đâu.

Bản đồ đi lại. Nhằm tìm hiểu các mối quan hệ cộng đồng như: tình hữu nghị, công việc kinh doanh, chính quyền, các thôn...; các dịch vụ, nguồn lợi tài chính mà cộng đồng sử dụng bao gồm ngân hàng các huyện, quỹ tín dụng hội phụ nữ, người cho vay (urgent lenders), công trình công cộng, các tổ chức dịch vụ cộng đồng như chợ, cơ sở y tế, bệnh viện, giếng nước công cộng...Thêm vào đó, sơ đồ đi lại cũng cho chúng ta biết về các nguồn lực con người khác như đường thẳng thể hiện trình độ học vấn của trẻ em người lớn.

Biểu đồ VENN. Tìm hiểu về ảnh hưởng của các tổ chức, hiệp hội và cá nhân đối với cộng đồng (thí dụ: huyện và UBND cấp xã, phòng nông nghiệp huyện, trung tâm khuyến ngư (pisciculture center), công ty và đại lý cung cấp giống và thức ăn nuôi tôm, các cơ sở y tế, trường học) và vai trò của các cá nhân/tổ chức này.

Biểu đồ xã hội. Nhằm nắm bắt một cách tổng hợp các điều kiện tự nhiên xã hội trong vùng, sự phân bố dân cư và các tổ chức... dựa vào quan điểm của các thành viên tham gia làm PRA.

Bản đồ mặt cắt ngang. Thu thập thông tin phụ sau khi hoàn tất bản đồ tự nhiên và xã hội. Biểu đồ này thể hiện mối quan hệ giữa các yếu tố vật chất cộng đồng, khó khăn và giải pháp.

XỬ LÝ SỐ LIỆU

Đầu tiên, đồng nhất các kết quả thu thập được sử dụng phương pháp PRA và số liệu thứ cấp để phân tích các hoạt động sinh kế và các mối quan tâm chính. Sau đó, đại diện từ UBND xã cùng với 30 người dân từ các thôn tham gia các hoạt động khác nhau gồm nông lâm ngư nghiệp và buôn bán sẽ kiểm tra độ chính xác của số liệu. Cuối cùng, tất cả các số liệu đó sẽ được trình bày trong báo cáo cuối cùng.

PHẦN 3

KẾT QUẢ VÀ PHÂN TÍCH**TÌNH HÌNH CHUNG****TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Điền Hải là 1.278 ha, bao gồm đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng/đất hoang, đất nông nghiệp và diện tích mặt nước tương ứng là 287.08 ha, 309.62 ha, 70.2 ha và 400 ha (UBND xã Điền Hải, 2005). Diện tích mặt nước của xã chủ yếu là diện tích đầm phá phù hợp cho phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản vùng ven biển. Diện tích nuôi trồng thủy sản là 70,2 ha trong đó 20 ha nuôi tôm; 50,2 ha nuôi cá cùng với 5,5 km đường bờ biển với nhiều hải sản tự nhiên được xem là thế mạnh của ngành thủy sản xã Điền Hải. Bên cạnh nông nghiệp, hầu hết các thôn ở xã còn nuôi trồng thủy sản và đánh bắt, trong đó thôn 8 chuyên sâu về các hoạt động này nhiều hơn so với các thôn khác.

Hai mặt của xã Điền Hải tiếp giáp với đầm phá và biển và nó có rừng phòng hộ với diện tích 31,4 ha. Những khu vực này bảo vệ đất khỏi bị sói mòn và cát trên bãi biển. Đồng thời, nó cũng là nguồn tài nguyên thiên nhiên của xã Điền Hải. Theo ước tính, 10 ha rừng phòng hộ và dải đất ven biển sẽ được phát triển thành nơi trú ẩn vào mùa lũ cho người dân vào cuối năm nay.

Song song với những thuận lợi mà diện tích mặt nước và rừng mang lại như đã nêu trên, khu vực này cũng hứng chịu những bất lợi nhất định do vị trí địa lý gây ra, chẳng hạn như vì tiếp giáp với biển nên nguồn nước máy bị nhiễm phèn nặng không thể dùng để uống và giặt rửa. Thêm vào đó, các khu vực bị nhiễm mặn do ảnh hưởng của nuôi trồng thủy sản.

Quốc lộ 49 chạy qua trung tâm xã Điền Hải mang lại điều kiện thuận lợi về phát triển kinh tế xã hội cho cộng đồng và giảm mật độ dân số ở một khu vực do thói quen của người Việt Nam thích sống gần đường cái để phát triển kinh doanh các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu con người.

Vào tháng 12/2005, hội đồng nhân dân ban hành chương trình sử dụng đất năm 2006, trong đó 7 ha sử dụng vào các mục tiêu quan trọng bao gồm xây dựng trung tâm văn hóa, trung tâm thể thao, kênh mương nội đồng, dịch vụ kinh doanh, bệnh viện, chợ, hệ thống thủy lợi, 3 km đường và 30 ha trồng rừng. Kế hoạch sử dụng đất tổng hợp năm 2006 là chuyển giao 30 ha đất hoang hóa thành đất sử dụng được, bao gồm 2,02 ha trồng lúa một vụ; 5,11 ha trồng lúa hai vụ; 1,2 ha đất phi nông nghiệp. Trong 6 tháng đầu năm 2006, xã đang triển khai ban hành quyền sử dụng đất cho 100% hộ gia đình đủ tiêu chuẩn (UBND xã Điền Hải, 2005). Chuyển giao quyền sử dụng đất đang đi theo quỹ đạo đúng, nhờ vậy đẩy lùi được nạn sử dụng đất bất hợp pháp (UBND xã Điền Hải). Có thể xem thêm thông tin về tài nguyên thiên nhiên xã Điền Hải và quan điểm của người dân trong phụ lục 2.

NGUỒN LỰC XÃ HỘI

Có nhiều hiệp hội và cá nhân ảnh hưởng đến đời sống hằng ngày của cộng đồng. Tuy nhiên, giá trị ảnh hưởng của mỗi tổ chức cá nhân này khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu của tổ chức cá nhân đó. UBND là cơ quan có tầm quan trọng nhất ở xã, đại diện cho chính quyền, quản lý tất cả các hoạt động hành chính, thực hiện các chính sách của nhà nước liên quan đến đời sống kinh tế xã hội. Và nó phải có trách nhiệm đảm bảo an ninh và sinh kế người dân với chính quyền cấp trên.

Nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp vốn trực tiếp hướng dẫn và vận hành sản xuất nông nghiệp, cung cấp giống, hóa chất và nông cụ cho người dân địa phương. Hợp

tác xã này đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống người nông dân cả trong hoạt động sản xuất lẫn trong quan hệ cộng đồng.

Phần lớn phụ nữ tham gia vào hội phụ nữ, cả nam giới lẫn nữ giới đều tham gia vào hội nông dân. Hai tổ chức này có cơ sở ở cấp thôn. Hội Phụ nữ vận động chị em phát triển kinh tế hộ gia đình và kế hoạch hóa gia đình. Hội phụ nữ còn cộng tác với Ngân hàng chính sách và các dự án hỗ trợ phụ nữ vay vốn cho nông nghiệp và chăn nuôi ở cấp hộ gia đình với lãi suất thấp (0,6%). Hội nông dân cũng khuyến khích hội viên của mình phát triển nông nghiệp và cho mượn với lãi suất thấp (tuy nhiên không thể vay vốn trực tiếp từ hai tổ chức này).

Ngoài ra, còn có các cơ sở cung ứng đầu vào cho nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Các cơ sở này đóng vai trò chính trong cộng đồng, hỗ trợ sản phẩm đầu vào cho người dân cho đến cuối vụ mà người dân không cần phải trả lãi suất. Tuy nhiên, người nông dân cho rằng các cơ sở này luôn ép giá, các dịch vụ cung ứng chưa đủ để đáp ứng nhu cầu người nông dân. Một số nông dân muốn tự mình đến Huế mua các sản phẩm đó hơn mặc dù Huế rất xa Điền Hải vì họ không tin vào mức giá cũng như chất lượng sản phẩm mà các cơ sở đó cung cấp.

Phong trào phát triển các làng văn hóa, thôn và gia đình văn hóa được đẩy mạnh nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Ngày nay, cả 8 thôn đều tổ chức các hoạt động xã hội và các ngày lễ quan trọng. Ngoài ra, các hoạt động văn hóa xã hội thể dục thể thao còn được các thôn quan tâm và tổ chức thường xuyên.

NGUỒN LỰC CON NGƯỜI

Tổng dân số của xã Điền Hải là 6.130 người với 1.293 hộ, trong đó có 53% là nữ giới. Tính trung bình, mỗi hộ có 4,7 người. Lực lượng lao động khá dồi dào, chiếm 40 % tổng dân số (tương đương với 2.377 người); 2.029 người đang hiện đang ở độ tuổi lao động trong xã.

Thôn	Diện tích sản xuất (ha)		Hộ gia đình	Cá nhân	Lao động (%)
	Nông nghiệp	Nông nghiệp			
1		4,093	214	967	60
2		14,713	385	1780	
3		13,87	106	509	
4		11,12	86	265	55
5		14,154	106	550	54
6		12,2	200	801	50
7		1,8	99	492	50
8			103	509	50
Tổng số	448,4				

▪ *Bảng 1 - Diện tích tự nhiên, dân số và lực lượng lao động ở xã Điền Hải*

Nền giáo dục xã Điền Hải thu được những thành tựu đáng kể, có đội học sinh giỏi thi cấp huyện và tỉnh, được cấp giấy chứng nhận phổ cập giáo dục phổ thông. Ngoài ra, chính quyền xã còn chú trọng đến giáo dục. 235 trên tổng số 270 trẻ em đi nhà trẻ trong số đó 100% trẻ em 5 tuổi học mẫu giáo. Có 660/664 trẻ độ tuổi học sinh tiểu học đến trường, trong đó 31,96% học sinh giỏi và không có học sinh yếu kém. Có hai học sinh giỏi cấp huyện và một học sinh giỏi cấp tỉnh. Ở cấp trung học, 618/631 học sinh đi học trong đó 12,7% học sinh giỏi; 41,1 học sinh khá. 100% học sinh học tiếp lên trường THPT được đánh giá là trường có chất lượng giáo dục tốt. Một trong những điều đặc biệt trong thành tựu giáo dục của xã Điền Hải là có 23 học sinh đỗ vào đại học năm 2005, một tỉ lệ được xem là cao ở một xã nghèo như thế. So với xã Điền Hải thì xã nằm về phía Nam của đầm phá, xã Lộc Bình chỉ có 2 học sinh đỗ đại học năm 2005.

Chú trọng giáo dục là một chính sách đúng đắn của UBND xã Điền Hải. Có được một lực lượng lao động tri thức dồi dào như thế sẽ là một thế mạnh trong tương lai của xã Điền Hải. Tuy nhiên một thách thức cần vượt qua với xã Điền Hải hiện nay là tỉ lệ hộ nghèo

vẫn còn cao 19,2 % (theo tiêu chuẩn mới) và số gia đình có 3 con (chiếm 35%) vẫn tăng lên dẫn đến đói nghèo.

CƠ SỞ HẠ TẦNG

Điền Hải vẫn là một xã nghèo. 100% nhà cấp 4 kiên cố với mái ngói và tường xi-măng. Những ngôi nhà này có thể chống chịu được những cơn bão thông thường nhưng khó chống chịu nổi với bão lớn hơn cấp 6. 50% tổng số hộ trong xã có xe gắn máy và 98 % có TV.

Điện:

Có 3 trạm điện trên địa bàn xã và 98 % hộ gia đình bắt điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất hằng ngày. Tình hình điện ở thôn 7 và 8 vẫn chưa ổn định do một số hộ đang sống nhà tạm hoặc sống trên đò nên họ không thể có điện để sinh hoạt. Mức sống thấp của các hộ gia đình đó là một khó khăn cần được hỗ trợ từ cả chính quyền lẫn từ bên ngoài.

Đường giao thông: Giao *thông* khá thuận tiện cho người dân trong xã. Quốc lộ 49 chạy ngang qua xã (5,5 Km) nối tất cả các khu vực trên địa bàn xã lại với nhau. Con đường nhỏ giữa thôn 1 và 2 dài 1,3 km. 6 thôn (từ thôn 1 đến 6) chạy dọc theo đường chính trong khi đó thôn 7 và 8 bị tách ra và chúng nối với các thôn khác bằng những con đường nhỏ và tạm thời.

Trường học: Vào năm 2005, xã nhận được 150 triệu đồng từ các tổ chức từ thiện xây trường mẫu giáo với 2 phòng học diện tích 0,1 ha. Các nhà mẫu giáo ở các thôn 5,6 và 7 được xây dựng trên khu đất có diện tích 0,16 ha theo chương trình 135 xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã nghèo và xã vùng sâu (UBND xã Điền Hải, 2005). Dù vẫn là một xã nghèo song ngành giáo dục xã Điền Hải vẫn được trang bị cơ sở hạ tầng tốt với 3 trường THPT, 1 trường THCS, 1 trường hướng nghiệp, 1 trường mẫu giáo, 8 lớp nhà trẻ ở 8 thôn. Với hệ thống trường THPT và các trường hướng nghiệp như thế có thể dễ dàng nâng cao sự nhận thức cho người dân địa phương.

Trạm y tế: Có 1 trạm xá, 1 trạm y tế, 2 bác sĩ ở xã đáp ứng đủ nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng. Ngoài ra, một khu chợ mới vừa được xây dựng là nơi tập trung của dân cư 9 xã giúp họ dễ dàng phát triển kinh doanh và giao lưu với các xã khác.

Để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, ở 8 thôn có tất cả 15 máy cày, 4 máy gặt lúa, đủ và phục vụ đủ nhu cầu của người dân trong xã.

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Đây là một ngành tài chính đa thành phần với lợi nhuận tương đối cao. Theo báo cáo của UBND xã, thu nhập năm 2005 khoảng 1,1 tỉ đồng trong đó 166 triệu từ xã và 950 triệu từ ngân sách chính phủ.

Thu nhập chính của người dân xuất phát từ các hoạt động kinh tế: nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và những ngành khác. Ngoài ra, một nguồn thu nhập nữa là từ lao động xa nhà (tính từ độ tuổi lao động là 18).

Xét về tín dụng, tổng vay từ các nguồn là 2,5 tỉ đồng và một khoản khác từ các tổ chức hiệp hội khác...Tuy nhiên, không có đủ vốn đáp ứng nhu cầu người dân và họ vẫn bị nợ quá hạn và không thể nào trả hết nợ đã vay. Vì thế, người dân địa phương đã đề nghị một số giải pháp, bao gồm hỗ trợ vốn (để phát triển một số ngành nghề và chăn nuôi) khoảng 5-7 triệu đồng mỗi hộ với lãi suất cho vay 0,5-0,6 % phù hợp với điều kiện gia đình để họ có thể trả đúng hạn. Một giải pháp khác là các dự án có thể hỗ trợ phát triển chuyên môn để người dân nâng cao kiến thức về lao động và sản xuất.

Nói chung, với diện tích đất nông nghiệp và diện tích nuôi trồng thủy sản và đánh bắt của mình, xã Điền Hải có thể phát triển đa dạng ngành nghề. Xã có diện tích trồng trọt lớn nhưng lại thiếu hoạt động sản xuất, và diện tích trồng trọt này lại bị ảnh hưởng bởi bão cát. Lực lượng lao động dồi dào song người dân không có đủ việc làm, công việc thiếu ổn định, và cũng không có nghề truyền thống vì thế nhiều người phải đi xa tìm việc làm và kiếm tiền gửi về giúp gia đình. Người lao động chăm chỉ, sáng tạo, có thể làm nhiều việc khác nhau đảm bảo cho cuộc sống hằng ngày của họ. Họ được giáo dục tốt, có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật song vẫn chờ đợi sự hỗ trợ từ bên ngoài.

Trong xã, có nhiều nguồn thu nhập song chúng vẫn không ổn định và mức sống của những người dân vẫn còn thấp. Nguồn vốn người dân vay được từ ngân hàng vẫn chưa đủ và họ khó mà trả đúng hạn. Thu nhập gia đình có thể do gia đình đó tự kiếm ra hoặc do lao động xa nhà gửi về.

CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

CHĂN NUÔI

Mùa vụ chăn nuôi

Là một ngành tương đối nhỏ nên chăn nuôi ở xã Điền Hải được tiến hành quanh năm. Cũng như tất cả các xã khác ven đầm phá, động vật được nuôi chủ yếu ở đây là lợn, gà và bò. Tuy nhiên dịch cúm gia cầm đã ảnh hưởng đến việc chăn nuôi gia cầm ở xã Điền Hải làm cho sản lượng bị giảm sút. Nuôi lợn chỉ là một cách để tiết kiệm, chứ không phải là một ngành có quy mô phát triển. Không có một mùa cụ thể nào để nuôi những động vật này.

Tình hình chăn nuôi

Chăn nuôi không được phát triển lắm nhưng nó là ngành quan trọng đối với các hộ gia đình. Người dân nuôi gia cầm để ăn trong gia đình, nuôi lợn để tận dụng nguồn thức ăn thừa thãi và nuôi bò để cày đất. Hoạt động này rất hữu ích cho các hộ gia đình; họ có thể tận dụng nguồn dư thừa thức ăn hay từ trồng trọt để chăn nuôi. Năm 2005, xã Điền Hải có 5 con trâu, 70 con bò, 4.500 con lợn và 50.000 gia cầm. Phụ nữ có vai trò quan trọng trong hoạt động chăn nuôi: cho ăn và tìm kiếm thức ăn cho động vật. Đàn ông thường ít quan tâm đến các công việc vụ vật này.

Thuận lợi, khó khăn, các vấn đề chính, mùa vụ và giải pháp

Chăn nuôi gia cầm ở xã Điền Hải đương đầu với nhiều khó khăn, chẳng hạn như, thiếu nguồn giống có chất lượng cao, bệnh tật tràn lan và không có các bãi cỏ vì thế rất khó để phát triển chăn nuôi trên quy mô lớn. Người dân địa phương đã đưa ra nhiều đề xuất có thể ứng dụng để phát triển chăn nuôi ở xã. Phòng Khuyến ngư và Khuyến nông đang hỗ trợ tập huấn kĩ thuật cho người dân địa phương. Một cơ sở ương giống hiện đại xây dựng gần địa bàn xã giúp kiểm tra chất lượng giống. Chính quyền nên có kế hoạch xây dựng nơi chăn thả bò dê và các gia súc khác.

Định hướng phát triển chăn nuôi

Một trong các chiến lược của cộng đồng địa phương là muốn phát triển sinh kế chăn nuôi như nguồn thu nhập chính trong toàn xã. Mặt khác, cả UBND xã và các cá nhân phải hợp tác để đẩy mạnh hoạt động này. Tuy nhiên, không thể phát triển điều này nhanh chóng như mong muốn của mọi người do nguồn lực tài chính và kiến thức chăn nuôi của người dân còn hạn chế.

TRỒNG TRỌT

Mùa sản xuất

Có 2 vụ trồng lúa chính trong mỗi năm: đông xuân và hè thu. Các loại cây khác như trái cây và đậu trồng vào vụ đông xuân. Tuy nhiên, các loại cây này không được trồng nhiều ở xã Điền Hải, chủ yếu là lúa.

Tình hình sản xuất

Tổng diện tích trồng trọt năm 2005 đạt 448,4 ha. Trong số đó, 410 ha trồng lúa, 5 ha trồng ớt, 13,4 ha trồng rau và 20 ha còn lại cho các loại cây khác.

Thuận lợi, khó khăn, các vấn đề chính, nguyên nhân và giải pháp

Khó khăn: Hiệu quả sản xuất thấp

- Thiếu vốn đã gây ra nhiều vấn đề khó khăn trong sản xuất, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản không tách rời nhau. Cần xây kè để bảo vệ sản xuất. 'Tủ không khai báo, sinh không đăng kí'. Những nông dân thuê đất từ những người khác để sản xuất thì thu nhập thấp và hiệu quả kém. Thiếu đất trồng trọt (để canh tác): không có ngành nghề thay thế.

Nguyên nhân:

- Diện tích đất nông nghiệp nhỏ và thiếu màu mỡ
- Đất bị nhiễm mặn, thường xuyên bị lũ và hạn hán
- Nguồn nước phụ thuộc vào thời tiết và nước ngầm
- Thực hiện thiếu hiệu quả Nghị định ND/CP 64
- Giá vật tư cao, đầu tư nhiều, hiệu quả kém
- Tưới tiêu phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên; đây là một vấn đề gây ra tổn thất trong sản xuất trong một vài năm vừa qua, đặc biệt là tổn thất đến 50% tổng thu trong năm 2005.
- Vẫn chưa hoàn thành xong các kênh đào thủy lợi
- Chưa ứng dụng phổ biến thành tựu khoa học kĩ thuật
- Chưa xây dựng xong hệ thống giao thông nội đồng
- Thiếu vốn và các chương trình chuyển giao cơ chế trồng trọt
- Giá phân bón cao, hệ thống thủy lợi kém chất lượng làm cho hiệu quả sản xuất không cao
- Các khu vực bị nhiễm mặn không ngừng tăng lên là hậu quả của nuôi trồng thủy sản
- Ảnh hưởng của môi trường.

Các giải pháp

- Đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp
- Ổn định diện tích trồng trọt, sản xuất, nâng cao sản lượng và chất lượng
- Chú trọng công tác thủy lợi (hệ thống thủy lợi)
- Khuyến khích người nông dân tham gia vào các mô hình thực tiễn

Kiến nghị

- Xây dựng hệ thống thủy lợi
- Tập huấn công tác giống và chuyển giao công nghệ kĩ thuật
- Hỗ trợ vay vốn để nâng cao sản xuất
- Dành đất để trồng lúa

Định hướng phát triển

Nông nghiệp và trồng trọt là ngành nghề chính truyền thống chủ yếu của người dân Việt Nam, xu hướng phát triển của nó không phải là một sự thay đổi đột phá mà dần dần qua từng năm. Chính quyền luôn cố gắng khuyến khích người dân chú ý đến các hoạt động này nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và nâng cao sản lượng năm sau so với năm trước. Tuy nhiên, chính quyền và người dân cần hợp tác giải quyết những vấn đề sau: (i) Vấn đề chọn phân bón vì đất chất lượng kém; (ii) Không có đủ giống lúa cấp 1 và giá quá cao đối với người dân; (iii) Chưa có kế hoạch tổng thể để chuyển từ nông nghiệp sang nuôi trồng thủy sản.

NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Mùa sản xuất

Có 2 loại hình nuôi trồng thủy sản ở xã Điền Hải. Nuôi nước ngọt được tiến hành quanh năm. Nuôi tôm lại được chia làm hai vụ chính: vụ thứ nhất có vai trò quan trọng từ tháng Hai đến tháng Tư và vụ thứ hai tận dụng diện tích mặt nước có sẵn từ tháng Năm tháng Tám. Bệnh tôm thường xuất hiện ở cả hai vụ song chủ yếu vào tháng Ba-Tư và tháng Tám, mùa lũ về.

Tình hình sản xuất

Các loại hình nuôi trồng thủy sản ở xã Điền Hải: nuôi tôm có vị trí quan trọng hàng đầu, tiếp theo đó là nuôi cá nước ngọt (1), nuôi cá lồng và nuôi cá giống (2); nuôi tôm cá kết hợp (3), nuôi cua nước ngọt (4); nuôi cá trên ruộng lúa (5).

Thuận lợi, khó khăn, các vấn đề chính, nguyên nhân và giải pháp

Vấn đề chính hiện nay trong nuôi trồng thủy sản là chất lượng giống kém, bệnh tật tràn lan dẫn đến hiệu quả nuôi trồng thủy sản kém. Nhiều người nuôi tôm đang bị nợ chồng chất và thiếu vốn đầu tư cho vụ sau. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến vấn đề này và đây là một vài trong số đó mà người dân đã đưa ra:

- o Thiếu vốn đầu tư
- o Thiếu kĩ thuật nuôi trồng hiệu quả
- o Giá tôm trên thị trường không hiệu quả
- o Môi trường bị ô nhiễm là một nguyên nhân gây ra bệnh tôm
- o Tư thương ép giá sản phẩm tôm lẫn giá các sản phẩm cung ứng đầu vào
- o Đầm phá bị thu hẹp hơn so với trước đây vì vậy làm giảm diện tích thích hợp cho nuôi trồng thủy sản
- o Chất lượng giống kém, giống kém chất lượng, vận chuyển xa từ hồ ươm đến ao nuôi làm cho con giống bị yếu đi và dễ bị bệnh.
- o Vẫn chưa xử lý được bệnh tôm/cá

Giải pháp:

- o Giải pháp quan trọng nhất là nâng cao chất lượng giống thông qua kiểm dịch hiệu quả
- o Xây dựng chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững cho khu vực
- o Đa dạng hóa nguồn cung ứng giống để cung cấp cho người nuôi trồng thủy sản
- o Chính quyền địa phương và các cá nhân nên phân tích thuận lợi của mỗi hoạt động sản xuất để tăng hiệu quả nuôi trồng (chẳng hạn như nuôi lồng ghép tôm và cá).
- o Nâng cao sự hợp tác giữa các tổ chức tín dụng (ngân hàng, cơ quan tín dụng, dự án...) và hỗ trợ người dân vay vốn sản xuất ở cấp hộ gia đình.
- o Sở Thủy sản nên tổ chức các khóa tập huấn miễn phí về nuôi trồng thủy sản và kĩ thuật đánh bắt để người dân tham gia.
- o Phối hợp giữa các tổ chức và cá nhân để ngăn chặn và có biện pháp xử lý hoạt động đánh bắt
- o Quy hoạch khu vực phát triển bền vững để nuôi riêng cá và tôm
- o Xây dựng các cơ sở cung ứng thức ăn để tránh tư thương ép giá và đảm bảo an toàn chất lượng thức ăn.
- o Xây dựng các cơ sở ươm giống tại địa phương đáp ứng nhu cầu của người dân và đảm bảo nguồn giống có chất lượng tốt.

Định hướng phát triển

Nuôi trồng thủy sản và đánh bắt được xem là các hoạt động mang lại thu nhập chính cho người dân địa phương. Cả cộng đồng và người dân địa phương đang đẩy mạnh chiến lược nuôi tôm và cá. Ngoài ra, có thể chuyển đổi một số diện tích đất trũng và đồng

ruộng thành diện tích nuôi trồng thủy sản. Hệ thống kiểm dịch được làm ngay từ cấp tỉnh nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường. Nâng cao sự hiểu biết của người dân là một trong những hướng chính để phát triển vấn đề này.

KHAI THÁC THỦY SẢN

Mùa sản xuất

Đánh bắt diễn ra quanh năm tuy nhiên có hai mùa chính với sản lượng cao (i) từ tháng Hai đến tháng Tư; (ii) từ tháng Sáu đến tháng Tám (dương lịch). Đánh bắt bằng nò sáo là hình thức thông dụng và phổ biến nhất trong khu vực này.

Trong tổng sản lượng khai thác hằng năm, tôm chiếm 80% và 20 % là cá.

Tình hình đánh bắt

Các hình thức đánh bắt thông dụng ở xã Điền Hải: (1) Phổ biến nhất là nò sáo, (2) mò hến (mussel fumbling), (3) cào lươn và đáy (bottom gear), (4) rà điện (manual electric pulse), (5) lưới vây (casting net) và lưới bủa (surrounding net), (6) chuôm chà, (7) giã cào, te dũi, (8) tung điện, xiết điện.

Thời gian	Chồng	Vợ	Con cái	Người già
6h-7h30'	Ăn sáng	Bán sản phẩm đánh bắt được	Ăn sáng	Làm các công việc nhẹ trong nhà
7h30'-8h	sửa chữa ngư cụ	Giúp chồng sửa chữa ngư cụ	Đi học	
8h-10h				
10-12h				
12h-13h	Ăn trưa			
13h-15h	Làm việc ở nhà, sửa chữa ngư cụ	Giúp chồng sửa và vá lưới		
15h-17h		Nấu ăn	Đi học	
17h-19h	Đi câu cá	Cùng với chồng đi xem các nò sáo	Ăn tối	
19h-21h			Học bài	
21h-6h sáng			Đi ngủ	

▪ *Bảng 2 - Vai trò của các thành viên trong gia đình trong đánh bắt*

Thuận lợi, khó khăn, các vấn đề chính, nguyên nhân và giải pháp

Các thuận lợi:

Xã Điền Hải có tiềm năng để phát triển đánh bắt. Ngoài ra có nhóm tự quản nên an ninh tương đối tốt, không có đánh nhau, xô xát. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và gây ra nhiều vấn đề cho ngư dân, đó là: (i) nguồn lợi cạn kiệt, (ii) sử dụng các phương tiện hủy diệt vẫn diễn ra thường xuyên và không thể ngăn chặn được, (iii) ô nhiễm môi trường đầm phá, (iv) ý thức người dân còn kém về vấn đề bảo vệ nguồn lợi và bảo vệ môi trường, (v) bùng nổ dân số trong xã, đặc biệt là trong cộng đồng ngư dân dẫn đến quá tải số ngư dân lao động trên diện tích mặt nước hạn hẹp, (vi) khu vực đánh bắt tự nhiên bị thu hẹp, (vii) thiếu các chương trình tổng hợp về phát triển diện tích nuôi trồng thủy sản, (viii) mật độ nò sáo tăng và không thể nào kiểm soát nổi. Có nhiều nguyên nhân gây ra vấn đề nêu trên và nguyên nhân cơ bản nhất là việc sử dụng các phương tiện đánh bắt bất hợp pháp như lưới đáy và ngư cụ dùng điện. Hình phạt vẫn chưa nghiêm và mức phạt còn thấp (500.000 đồng đối với mỗi trường hợp sử dụng phương tiện hủy diệt và mức phạt này không khó khăn gì đối với người dân). Thêm vào đó, việc xử lý hóa chất không tuân theo quy trình sản xuất trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản gây ra ô nhiễm môi trường.

Giải pháp:

- Đưa ra hình phạt xử lý nghiêm mỗi lần vi phạm.
- Xây dựng các trạm để bảo vệ các nguồn lực địa phương (ở cấp thôn), cấm sử dụng các phương tiện hủy diệt, chính quyền (phòng thủy sản, cục bảo vệ nông nghiệp...) nên xử phạt những người có thái độ thù nghịch một cách đồng bộ
- Xây dựng năng lực và nâng cao ý thức cộng đồng
- Hình thành chương trình phát triển bền vững để nuôi trồng thủy sản nhằm giảm ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên.
- Nâng cao sự hợp tác giữa các cơ quan tài chính (ngân hàng, tổ chức tín dụng, dự án...) và hỗ trợ vay vốn để các hoạt động sản xuất có hiệu quả hơn.
- Kết hợp hài hòa quyền lợi và nghĩa vụ của các tổ chức và cá nhân để ngăn chặn và xử lý các trường hợp sử dụng ngư cụ hủy diệt.
- Mang lại cho người dân nhiều cơ hội tốt hơn để họ thay đổi ngành nghề

Kiến nghị:

- Tuần tra, xác minh và xử lý các trường hợp sử dụng các phương tiện hủy diệt ở đầm phá.
- Sử dụng các nguồn vốn ưu tiên để tái sản xuất, phát triển nuôi trồng thủy sản.
- Phân bổ đất, ổn định đời sống người dân.
- Đóng thuyền phòng mưa lũ
- Hình thành các tổ tự quản nuôi trồng và khai thác thủy sản
- Sớm quy hoạch đầm phá và ổn định để đánh bắt ở đầm phá được tốt hơn
- Đẩy mạnh bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Đưa ra mức xử phạt nặng tất cả các người vi phạm)
- Hoàn thành hệ thống cung ứng nước cho sản xuất nông nghiệp
- Cấp đất định cư, nước máy, sản xuất
- Xây dựng trường học, giao thông (hoàn chỉnh 50%), chú ý bảo vệ môi trường

Định hướng phát triển

Mở rộng đánh bắt là một trong các chiến lược phát triển cho toàn xã. Tuy nhiên, điều cần thiết phải làm trước mắt là tổ chức các nhóm tự quản giúp nhau trong đánh bắt và bảo vệ môi trường cũng như nguồn lợi tự nhiên. Đẩy mạnh cấm sử dụng cá phương tiện hủy diệt là một cách để bảo vệ nguồn lợi vì mục tiêu sử dụng lâu dài.

KINH DOANH

Tình hình kinh doanh

Điện Hải nằm trung tâm của khu vực thương mại nên rất dễ phát triển ngành này. Người dân xã Điện Hải chủ yếu bán vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và sản phẩm phục vụ cuộc sống.

Thuận lợi, khó khăn, các vấn đề chính, nguyên nhân và giải pháp

Khó khăn:

- Quyền sử dụng đất buôn bán ở chợ
- Các dịch vụ thương mại trong điều kiện đầu tư kém và giá cao so với mức sống của người dân.

Nguyên nhân:

- Chính quyền địa phương không chú trọng lắm đến vấn đề này
- Những người kinh doanh có ít vốn
- Một chương trình đồng bộ cho người dân sống trên thuyền bán thức ăn cho ngư dân và cộng đồng gần đầm phá.

Kiến nghị:

- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng (các trung tâm thương mại, chợ, giao thông nông thôn và các công trình công cộng)
- Khuyến khích các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào dịch vụ địa phương.
- Hỗ trợ vốn để kinh doanh (lãi suất ưu đãi)
- Cập nhật thông tin thị trường
- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và các công trình công cộng

CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN CỘNG ĐỒNG

Trong xu hướng phát triển của xã Điền Hải có nhiều tổ chức cá nhân liên quan, đó là phòng Nông nghiệp, phòng thủy sản, phòng nông nghiệp phát triển nông thôn, trung tâm khuyến ngư, chính quyền địa phương, ngân hàng nông nghiệp, ngân hàng chính sách, hỗ trợ vốn cho cộng đồng, Các hợp tác xã, Hội phụ nữ, Hội nông dân xã, đại lý cung ứng vật tư nông nghiệp, những người đưa ra quyết định và hoạch định chính sách từ các cơ quan địa phương khác nhau.

Người dân đánh giá cao sự giúp đỡ của các cơ quan nhà nước, từ trung ương đến địa phương, sự hỗ trợ của phòng Thủy sản, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các trung tâm khuyến ngư và khuyến nông tập huấn các kĩ thuật trồng trọt chăn nuôi và trị bệnh... cho các giống cây con và tăng năng suất.

Tên các tổ chức	Vai trò và trách nhiệm	Sự hỗ trợ	Hạn chế
Trung tâm khuyến nông	Chuyển giao khoa học và kĩ thuật nông nghiệp	Phát triển và thực hiện các mô hình	
Các hợp tác xã nông nghiệp	Quản lý trực tiếp	Hóa chất, giống và vật tư	
UBND xã	Các chính sách kinh tế xã hội	Thủ tục hành chính	
Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn	Quản lý nông nghiệp ở cấp nhà nước	Kĩ thuật và chuyên môn	
Ngân hàng	Cải thiện xã hội và nền kinh tế	Hỗ trợ vay vốn	Lãi suất cao, nhiều thủ tục rườm rà
Hội nông dân và Hội phụ nữ	Tuyên truyền, vận động	Vốn (lãi suất ưu đãi), giống)	
Phòng nông nghiệp	Quản lý, phát triển và định hướng các chính sách		
Đại lý bán vật tư	Cung ứng dịch vụ	Bán vật tư	Tư thương ép giá, dịch vụ đi kèm chất lượng kém
Thủy sản			
Trung tâm khuyến ngư	Chuyển giao kĩ thuật nuôi trồng thủy sản, gắn người dân với khoa học và kĩ thuật	Mô hình	Không có sẵn Thiếu kĩ thuật nuôi trồng
Các cơ quan bảo vệ nguồn lợi	Quản lý giống, bùng phát bệnh và khai thác	Đăng kí và kiểm tra dịch bệnh	Cán bộ phải đi làm xa

thủy sản	thủy sản (bảo vệ nguồn lợi)		thiếu sự quan tâm
Dự án	Hỗ trợ các cơ quan nhà nước hoạch định chính sách	Phát triển các mô hình, cơ sở hạ tầng, cải thiện kinh tế	
Phòng Thủy sản	Quản lý, phát triển và lên kế hoạch chương trình thủy sản		
Trạm y tế	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Kiểm tra và xử lý dịch bệnh, bệnh tật	
Các cơ sở cung ứng thức ăn tư nhân	Bán thức ăn cho nuôi trồng thủy sản		

- *Bảng 3 - Vai trò của các tổ chức liên quan đến xã Điện Hải*

SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Xã Điện Hải đang gặp phải thực tế thiếu nước sinh hoạt phục vụ cho sinh hoạt của người dân, vì vậy vấn đề nguồn nước rất được chú trọng và xảy ra xung đột trong việc sử dụng và quản lý nguồn lợi. Một vấn đề khác là vấn đề ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trực tiếp đến người dân địa phương trong vùng. Các nguyên nhân chính bao gồm: (i) Ảnh hưởng của nuôi trồng thủy sản: nguồn nước thải bị thải trực tiếp vào môi trường, (ii) mật độ nò sáo dày đặc làm nghẽn lưu lượng dòng chảy, (iii) sử dụng các ngư cụ mang tính hủy diệt. Một số giải pháp đã được đưa ra để ngăn ngừa và giải quyết các vấn đề nêu trên: (i) đầu tư nhiều hơn vào xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn vệ sinh, (ii) phân tích các tổ chất trong nước uống, (iii) nâng cao chất lượng nguồn nước máy vốn đang bị nhiễm phèn trầm trọng.

Kiểm chứng. Nhiều người bị ung thư do nước bị ô nhiễm gây ra (5 năm qua ở thôn 5 đã có đến 50 bệnh nhân) PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

KẾT LUẬN

- Tất cả các hoạt động chính ở xã Điền Hải liên quan đến quản lý nguồn lợi đầm phá như nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và đánh bắt. Dĩ nhiên, điều rất quan trọng ở đây là phải tìm ra cách tốt nhất để kiểm soát và bảo vệ nguồn lợi.
- Đánh bắt là một trong các hoạt động chính của cộng đồng địa phương. Ngư dân rất giỏi đánh bắt, làm giảm sản lượng nhanh chóng và họ cũng khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản ở đầm phá. Đó là lý do tại sao thu nhập từ đánh bắt dường như không tăng. Nhiều ngư dân chuyển sang hưởng xem nuôi trồng thủy sản là cơ hội thay đổi sinh kế.
- Nuôi trồng thủy sản (cả nuôi tôm lẫn nuôi cá) là hoạt động chính của xã, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề trong các hoạt động nuôi trồng thủy sản như phát triển hồ nuôi thiếu kiểm soát, bệnh tật, chất lượng nguồn nước sinh hoạt, và liên quan đến các vấn đề khác, xác định một cách rõ ràng nhu cầu xây dựng năng lực thông qua tập huấn để nâng cao sự hiểu biết của người dân.

ĐỀ XUẤT

- Phát triển các nhóm tự quản cho cả đánh bắt lẫn nuôi trồng thủy sản như mô hình quản lý nguồn lợi đầm phá dựa vào cộng đồng.
- Đẩy mạnh mô hình kết hợp đánh bắt hay nuôi trồng thủy sản với quản lý nguồn lợi thủy sản.
- Sắp xếp lại nò sáo và nên sớm chấm dứt hoạt động đánh bắt này
- Xã cần ban hành quy chế nuôi tôm và phân phát chúng cho người nuôi tôm
- Đa dạng loài trong nuôi trồng thủy sản để phòng trừ bệnh tật và mất mùa do nuôi tôm gây ra.

THAM KHẢO

1. UBND xã Điện Hải, 2005a. Báo cáo tình hình sử dụng đất năm 2005 và chương trình sử dụng đất năm 2006. Số 18/BC-UBND.
2. UBND xã Điện Hải, 2005b. Báo cáo tình hình thực hiện kinh tế xã hội năm 2005 và phương hướng phát triển kinh tế xã hội năm 2006.
3. HĐND xã Điện Hải, 2005. Nghị quyết về chương trình sử dụng đất. Số 5c/2005/NQ-HDND.

Phụ lục

Phụ lục 1

Lịch sử phát triển thôn 3 xã Điền Hải

Thời gian	Sự kiện	Tác động	Phản ứng của người dân
1985	Bão	Nuôi trồng thủy sản	
1997	UNICEF hỗ trợ xây dựng máy bơm nước bằng tay	Nguồn nước máy được cung cấp	Hoan nghênh
2000	Nuôi trồng thủy sản (chủ yếu là nuôi cá)	Nuôi cá đem lại thu nhập cao Thua lỗ vì nuôi tôm (nước và kĩ thuật chất lượng kém)	
2001	Đặt tên thôn 3	Quản lý vùng dân cư hiệu quả hơn	
2003	Bê tông hóa giao thông nông thôn	Không nhiều lắm	
	Kiên cố hóa hệ thống kênh đào thủy lợi		Dựa vào nguồn nước tự nhiên
	Xây dựng làng văn hóa	Tốt	
2004	Thay đổi sử dụng đất	Tốt	

Phụ lục 2

Trách nhiệm các nhóm làm việc thực địa ngày 20/02/2006

Nhóm	Địa điểm	Mục tiêu	Trọng tâm	Phương pháp	Ghi chú
Nhóm 1	Thôn 1	Nông nghiệp (1), NTTS (2), Thủy lợi (3) Sáng: 10 người Chiều: 10 người	Nông nghiệp, thị trường, nguồn lực và môi trường	Phân loại vấn đề, cây vấn đề, bản đồ nguồn lợi	
Nhóm 2	UBND	Thông 2+3: nông nghiệp, buôn bán, NTTS Sáng: 8 người Chiều: 8 người	Các lĩnh vực kinh tế và thị trường	Sắp xếp theo thứ tự ngành nghề, biểu đồ đi lại, cây vấn đề	
Nhóm 3	UBND	Thôn 8: NTTS, thủy lợi Sáng : 8 người	NTTS, thị trường tiêu thụ hải sản	Phân tích giới, ngày làm việc, phân loại vấn đề, cây vấn đề, phỏng vấn người khai thác, bản đồ nguồn lợi thủy sản	
	UBND	chiều: 2+3			
Nhóm 4	Thôn 4+5+6	Nông nghiệp, NTTS Sáng: 15 người Chiều 15 người	Nông nghiệp	Phỏng vấn nông dân, phân tích giới và ngày làm việc, lịch thời vụ, biểu đồ Venn, cây vấn đề	
	Thôn 8 (buổi chiều)	Trưởng thôn, các tổ chức xã hội, người buôn bán (10 người: cung cấp thông tin chung)	Tình hình chung về kinh tế xã hội, môi trường	Phỏng vấn người dân được chọn; vẽ bản đồ nguồn lợi, phân loại hộ.	
Nhóm 5	Thôn 7	NTTS Sáng: 10 người Chiều: 10 người	Thị trường, nguồn lợi và môi trường	Phỏng vấn người dân nuôi trồng thủy sản, phân loại vấn đề và cây vấn đề, biểu đồ Venn, biểu đồ lịch sử, lịch thời vụ, bản đồ đi lại	

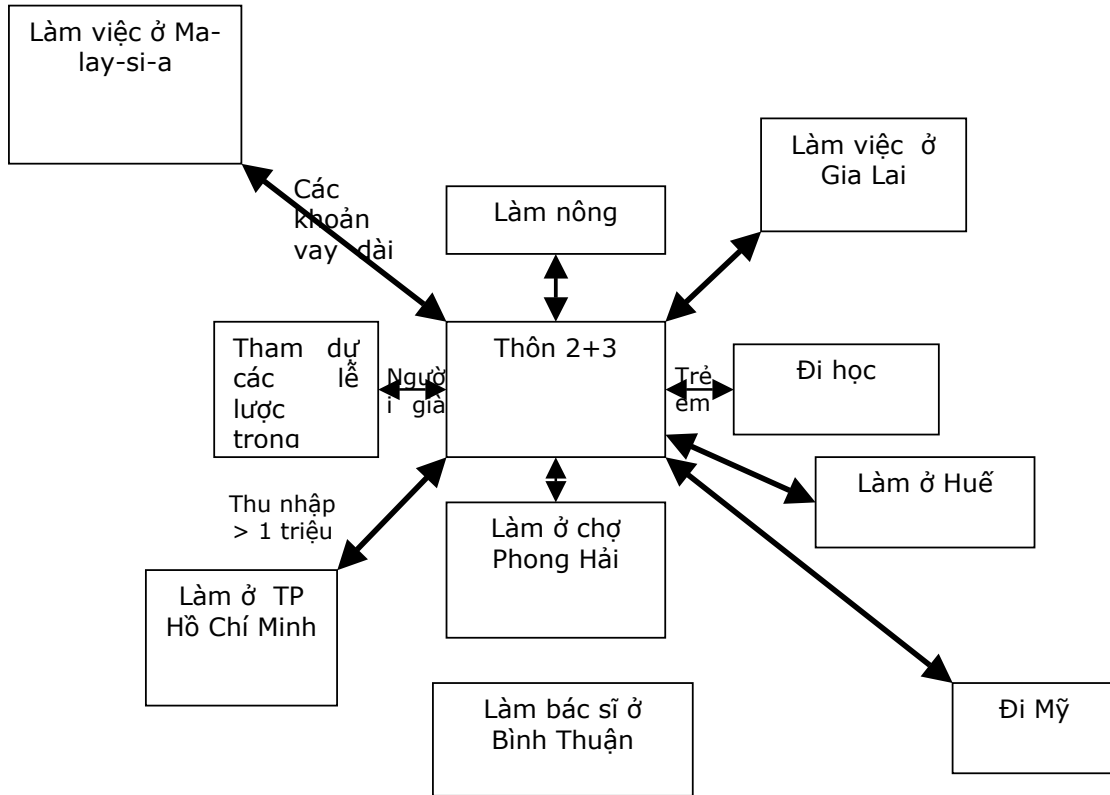
Bản đồ lát cắt xã Điền Hải

BIỂU ĐỒ MẶT CẮT NGANG

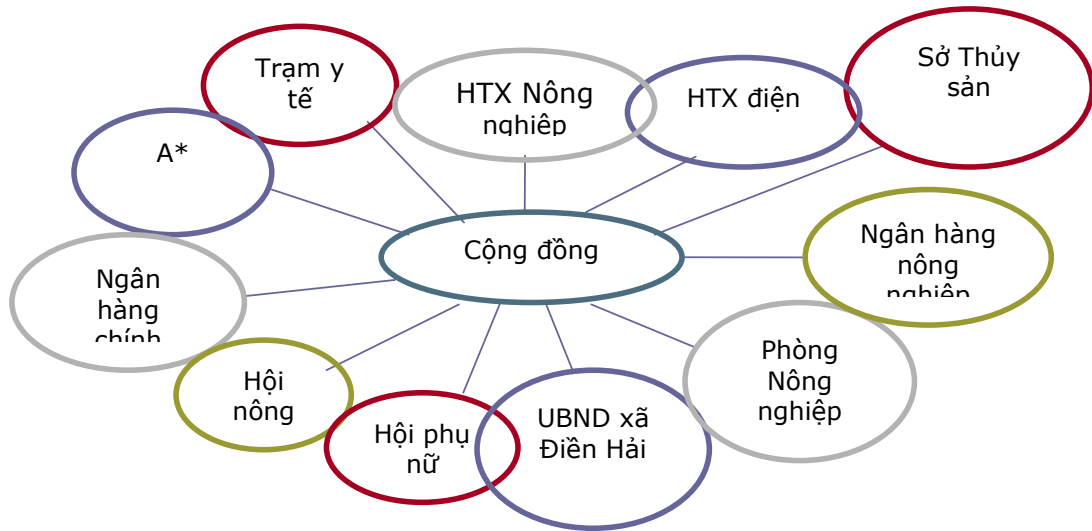


Vùng	Vùng dân cư	Đất	Định cư	Đầm phá
Các hoạt động	Sản xuất nông nghiệp; chăn nuôi; buôn bán; công việc phụ; NTTS; đánh bắt tự nhiên	Lúa, sản phẩm nông nghiệp, nuôi tôm kết hợp trồng lúa	NTTS, buôn bán nhỏ, nuôi lồng và nuôi nước ngọt	Nò cá, nuôi lồng, khai thác rong biển, cào hến (bằng tay hay bằng máy)
Người tham gia	Nông dân, ngư dân, người buôn bán nhỏ, cán bộ, người kinh doanh, các tổ tự quản ngư dân, hợp tác xã, chính quyền địa phương	Nông dân, hợp tác xã, chính quyền địa phương	Ngư dân, người buôn bán nhỏ, tổ tự quản, chính quyền địa phương, trung tâm khuyến ngư, công ty TNHH Hoàng Công	Ngư dân, nông dân, cảnh sát đường sông, dân không định cư, cán bộ dự án, cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản
Trách nhiệm	Tham gia vào các nhóm lao động công ích Sử dụng đất vào mục đích đúng đắn		Khai thác dựa trên quy định của nhà nước Có thể cho thuê đất ở chợ	Bảo vệ và phát triển nguồn lợi Phạt người vi phạm
Quyền lợi	Cấp đất sử dụng Có quyền lợi		Cấp quyền sử dụng mặt nước (ngoài trừ thôn 1) Có quyền lợi	
Khó khăn	Giao thông Môi trường bị ô nhiễm Ít trung tâm vui chơi giải trí	Sản lượng nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản thấp	Thiếu đất, đất nông nghiệp bị nhiễm phèn	Nguồn lợi bị giảm; quản lý đầm phá
Giải pháp		Chuyển giao khoa học kĩ thuật; giống; xây dựng hệ thống kinh mương		

Biểu đồ đi lại của người dân thôn 2 và 3- Xã Điền Hải

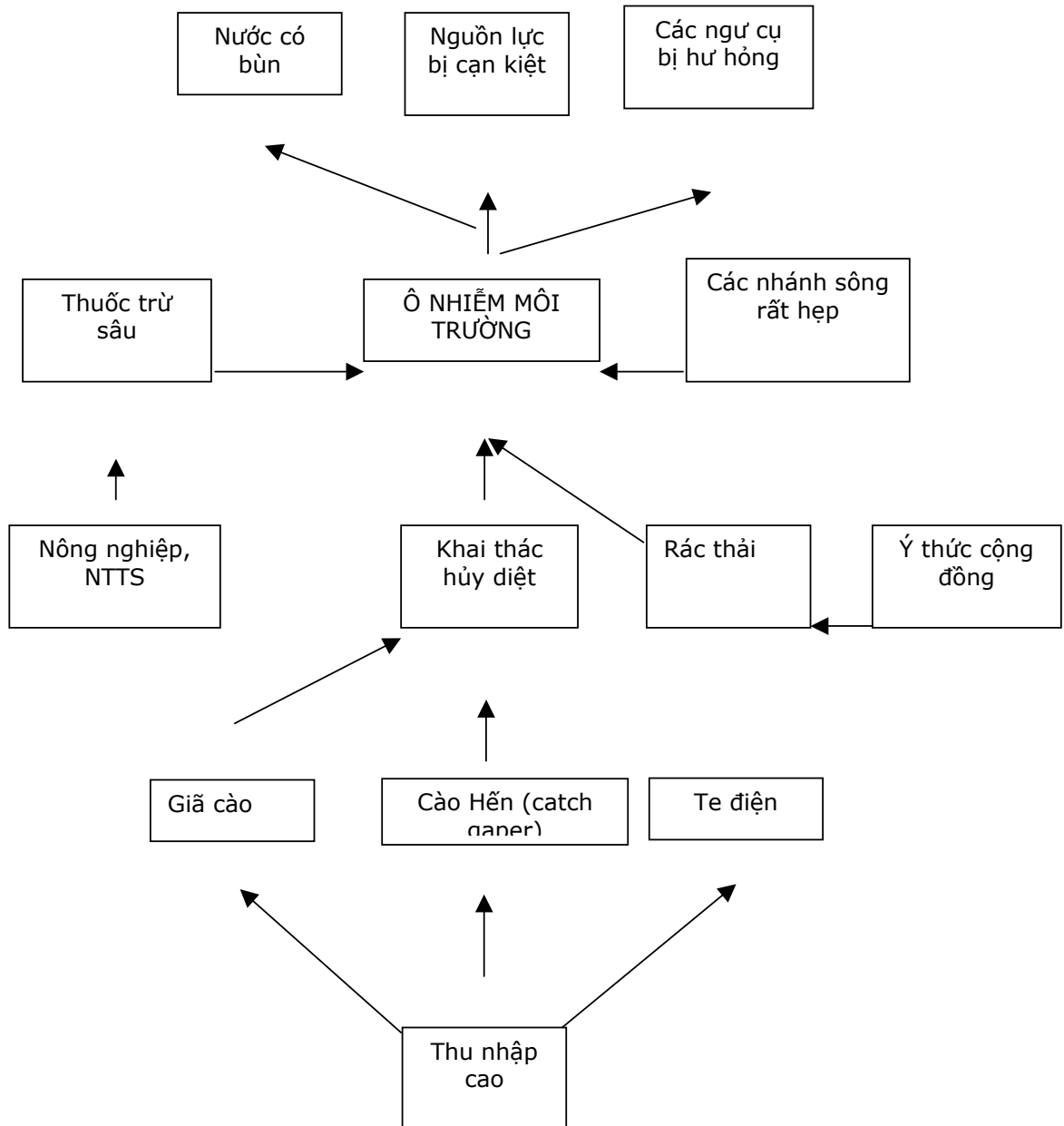


Các cơ quan ở xã Điện Hải liên quan đến người ở các thôn 2 và 8



(*) Cung ứng vật tư nông nghiệp (tư nhân)

Các vấn đề chính và nguyên nhân ở xã Điền Hải



Phụ lục 8

Phân loại hộ (thôn 8)

Tiêu chuẩn	Nhóm giàu	Nhóm khá	Nhóm trung bình	Nhóm nghèo
Tài sản	Tiền dư thừa, nhà kiên cố	Nhà, đồ	Nhà cấp 4	Nhà tạm, không có đất để trồng trọt
Thu nhập	Khoảng 40.000-60.000 đồng/ngày	Khoảng 40.000 đồng/ngày	Khoảng 15.000-40.000 đồng/ngày	Không ổn định, khoảng 15.000 đồng/ngày
Nợ	20% vốn sản xuất	30% vốn sản xuất	40% vốn sản xuất	60-70% vốn sản xuất
Nghề nghiệp		Dệt may	Các công việc phụ trên bãi biển	Không có công việc
Lao động	> 2 triệu đồng	2 triệu đồng	1 triệu đồng	500.000
Số hộ	5	6	63	15 người

Phụ lục 9

Thành viên gia đình tham gia vào mỗi hoạt động (%)

Hình thức	Hoạt động	Vợ	Chồng	Con gái	Con trai	
Sản xuất	Làm đất	20	80			
	Gieo giống, cấy	70	20	10		
	Thu hoạch	50	50			
	Chăn nuôi	70	20	10		
	NTTS	20	80			
	Đánh bắt tự nhiên	30	70			
	Làm nón	70	0	30		
Tổng cộng		330	320	50	0	
Tái sản xuất, đi lại, phát triển sản xuất	Bán	90	0	10	0	
	Nấu ăn, giặt giũ	80	10	10	0	
	Chăm sóc con cái	80	20	0	0	
	Chăm sóc người già	50	50	0	0	
	Chở con cái đi học	30	70	0	0	
			330	150	20	
Các hoạt động làng xã	Hợp làng	30	70	0	0	
	Phát quang thôn xóm	20	80			
	Làm đường	10	90			
	Lễ lược	50	50			
	Ma chay cưới hỏi	50	50			
		100	340			

Ngày làm việc của nhóm nông nghiệp

Thời gian	Nữ	Nam
4h a.m	Thức dậy	Ngủ
4-5h	Nấu ăn, cho gia súc ăn	Uống trà
5-6 h	Ăn sáng	
6-7 h	Đi chợ	Ra đồng làm việc
7-11h	Ra đồng làm việc	
11-12 h	Nấu + ăn cơm trưa	Giúp đỡ vợ + ăn trưa
12-13h	Giặt quần áo	Ngủ trưa
13-17h	Làm việc ở thực địa	
17-18h	Nấu ăn, cho gia súc ăn	Tắm, xem TV
18-19h	Ăn tối	
19-20h	Dọn dẹp, tắm, chăm sóc con cái	Xem TV
20-22h	Xem TV	
After 22h	Đi ngủ	